TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 1

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500001	Nguyễn Bình Khánh	An	Nữ	02/08/2011	THCS Sơn Cẩm 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500002	Nịnh Bảo	An	Nam	06/02/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500003	Nông Nhã	An	Nữ	08/04/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500004	Phạm Thái	An	Nam	28/08/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500005	Bùi Tuấn	Anh	Nam	17/10/2011	THCS tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500006	Chu Tuấn	Anh	Nam	21/04/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500007	Dương La Quỳnh	Anh	Nữ	21/02/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500008	Dương Ngọc	Anh	Nữ	07/01/2011	THCS Tân Long	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500009	Dương Thị Lan	Anh	Nữ	09/01/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500010	Đỗ Tuấn	Anh	Nam	28/01/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500011	Hoàng Duy	Anh	Nam	06/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500012	Hoàng Hoài	Anh	Nữ	22/07/2011	THCS Huống Thượng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500013	Hoàng Vân	Anh	Nữ	20/05/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500014	Lại Ngọc	Anh	Nữ	21/07/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500015	Lê Hải	Anh	Nữ	21/07/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500016	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	19/11/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500017	Lê Tuấn	Anh	Nam	12/02/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500018	Lê Tuấn	Anh	Nam	14/11/2011	THCS Cổ lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500019	Lưu Minh	Anh	Nữ	02/07/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500020	Lưu Thị Ngân	Anh	Nữ	03/07/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500021	Lý Huy	Anh	Nam	08/08/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500022	Mai Lâm	Anh	Nam	22/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500023	Nguyễn Đức	Anh	Nam	13/07/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500024	Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	17/11/2011	THCS Huống Thượng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500025	Nguyễn Thúy	Anh	Nữ	03/10/2011	THCS Sơn Cẩm 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500026	Nguyễn Việt	Anh	Nam	28/05/2011	THCS Yên Đổ	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500027	Nịnh Duy	Anh	Nam	16/07/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500028	Nịnh Thị Vân	Anh	Nữ	05/09/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500029	Phương Thị Hà	Anh	Nữ	20/11/2011	THCS Hoà Bình	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500030	Trạc Văn	Anh	Nam	30/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 2

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500031	Trần Nhật	Anh	Nam	27/08/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500032	Trần Phương	Anh	Nữ	26/09/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500033	Trần Thị Kim	Anh	Nữ	01/06/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500034	Triệu Ngô Hải	Anh	Nữ	28/02/2011	THCS Yên Đổ	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500035	Trương Thị Nguyệt	Anh	Nữ	08/02/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500036	Vũ Dương	Anh	Nữ	16/03/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500037	Vũ Ngọc	Anh	Nữ	23/12/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500038	Vũ Trần Hà	Anh	Nữ	02/04/2011	THCS tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500039	Vy Thị	Anh	Nữ	23/07/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500040	Vy Tuấn	Anh	Nam	14/10/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500041	Lê Thị	Ánh	Nữ	05/12/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500042	Lục Ngọc	Ánh	Nữ	15/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500043	Lưu Ngọc	Ánh	Nữ	23/10/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500044	Lưu Thị Ngọc	Ánh	Nữ	31/10/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500045	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	10/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500046	Nịnh Thị Ngọc	Ánh	Nữ	22/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500047	Tạ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	14/07/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500048	Trần Ngọc	Ánh	Nữ	06/10/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500049	Hoàng Gia	Bảo	Nam	08/07/2011	THCS TT Đu	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500050	Nguyễn Viết	Bảo	Nam	19/10/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500051	Lê Xuân	Bắc	Nam	27/09/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500052	Lưu Ngọc	Bích	Nữ	24/12/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500053	Nịnh Thị Bảo	Châu	Nữ	13/07/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500054	Đặng Thị Khánh	Chi	Nam	23/11/2011		Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500055	Hoàng Thuý	Chi	Nữ	31/08/2011	THCS Minh Lập	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500056	Lăng Hoàng Quỳnh	Chi	Nữ	27/11/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500057	Nguyễn Dương	Chi	Nữ	29/12/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500058	Nguyễn Tống Khánl	Chi	Nữ	29/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500059	Phạm Hà	Chi	Nữ	06/07/2011	THCS Sơn Cẩm 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500060	Phạm Ngọc Diệp	Chi	Nữ	01/09/2011	THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 3

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500061	Vũ Thuỳ	Chi	Nữ	21/12/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500062	Nguyễn Thị Thanh	Chúc	Nữ	10/12/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500063	La Kim	Chuyên	Nữ	29/10/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500064	Tạ Tiến	Công	Nam	28/05/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500065	Lý Thị Hồng	Cúc	Nữ	22/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500066	Hầu Quốc	Cường	Nam	04/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500067	La Đức	Cường	Nam	26/07/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500068	Nguyễn Tuấn	Cường	Nam	29/05/2011	DTNT THCS PL	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500069	Trần Quốc	Cường	Nam	22/04/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500070	Nguyễn Trần Minh	Da	Nữ	08/05/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500071	Phạm Đức	Danh	Nam	18/11/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500072	Khổng Ngọc	Diễm	Nữ	09/07/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500073	Phùng Thị Ngọc	Diễm	Nữ	09/08/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500074	Bạch Ngọc	Diệp	Nữ	28/10/2011	THCS TT Đu	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500075	Lê Bảo Ngọc	Diệp	Nữ	18/10/2011	THCS Giang Tiên	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500076	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	16/12/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500077	Trần Thị Ngọc	Diệp	Nữ	10/08/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500078	Vy Thị Ngọc	Diệp	Nữ	24/12/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500079	Nguyễn Thế	Doanh	Nam	15/04/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500080	Nguyễn Trung	Du	Nam	20/05/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500081	Bùi Thu	Dung	Nữ	02/06/2011	THCS Minh Lập	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500082	Bùi Việt	Dũng	Nam	13/12/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500083	Dương Nguyễn Trí	Dũng	Nam	09/12/2011	THCS Sơn Cẩm I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500084	Lưu Tiến	Dũng	Nam	01/05/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500085	Nguyễn Trí	Dũng	Nam	03/01/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500086	Nguyễn Vũ	Dũng	Nam	13/02/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500087	Hầu Quang	Duy	Nam	26/10/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500088	Hoàng Quốc	Duy	Nam	06/11/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500089	Lê Khánh	Duy	Nam	17/12/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500090	Lý Đức	Duy	Nam	26/11/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH
THI THỬ VÀO 10 LẦN 2
Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 4

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500091	Nguyễn Đức	Duy	Nam	02/09/2011		Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500092	Nguyễn Quang	Duy	Nam	18/06/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500093	Nông Đức	Duy	Nam	21/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500094	Trần Đức	Duy	Nam	14/06/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500095	Vy Khánh	Duy	Nam	22/07/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500096	Trần Thảo	Duyên	Nữ	26/05/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500097	Trần Thị	Duyên	Nữ	17/05/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500098	Hoàng Nguyễn Tùng	Dương	Nam	28/04/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500099	La Đức	Dương	Nam	10/07/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500100	Lý Nhật	Dương	Nam	21/11/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500101	Ma Hải	Dương	Nam	19/07/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500102	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	04/11/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500103	Nguyễn Thuỳ	Dương	Nữ	29/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500104	Nông Ánh	Dương	Nam	08/08/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500105	Phạm Ánh	Dương	Nữ	14/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500106	Phùng Thị Ánh	Dương	Nữ	15/12/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500107	Trần Thuỳ	Dương	Nữ	10/01/2011	THCS Hoàng Văn Thụ	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500108	Trần Thuỳ	Dương	Nữ	09/11/2011	THCS Tân Long	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500109	Hà Thị Linh	Đan	Nữ	02/04/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500110	Nguyễn Linh	Đan	Nữ	05/07/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500111	Vũ Khánh	Đan	Nữ	12/06/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500112	Hoàng Mạnh	Đạt	Nam	02/11/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500113	Hoàng Minh	Đạt	Nam	11/01/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500114	Lê Tuấn	Đạt	Nam	17/08/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500115	Lưu Tiến	Đạt	Nam	20/11/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500116	Mạch Văn	Đạt	Nam	12/02/2011	THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500117	Tạ Xuân	Đạt	Nam	01/02/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500118	Trương Văn	Đạt	Nam	31/07/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500119	Bùi Hải	Đăng	Nam	21/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500120	Đỗ Hải	Đăng	Nam	20/02/2011	THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 5

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500121	Hoàng Hải	Đăng	Nam	04/08/2011	THCS Giang Tiên	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500122	Trần Hải	Đăng	Nam	03/07/2011	THCS Phấn Mễ 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500123	Nguyễn Quý	Đông	Nam	06/11/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500124	Nguyễn Duy	Đức	Nam	03/07/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500125	Trần Minh	Đức	Nam	16/05/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500126	Đinh Thị Trà	Giang	Nữ	05/10/2011	THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500127	Phạm Bá	Giang	Nam	06/09/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500128	Vũ Trà	Giang	Nữ	15/01/2011	THCS Minh Lập	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500129	La Thị Hồng	Hà	Nữ	05/07/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500130	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	21/04/2010	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500131	Nông Thị Ngân	Hà	Nữ	07/01/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500132	Nguyễn Khánh	Hạ	Nữ	01/10/2011	THCS Minh Lập	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500133	Hoàng Mạnh	Hải	Nam	02/08/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500134	Hoàng Nam	Hải	Nam	25/03/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500135	La Đức	Hải	Nam	16/01/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500136	Lý	Hải	Nam	28/05/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500137	Lý Văn	Hải	Nam	13/05/2011	THCS tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500138	Nguyễn Minh	Hải	Nam	26/07/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500139	Trần Thanh	Hải	Nam	10/02/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500140	Trịnh Hoàng	Hải	Nam	08/11/2011	THCS tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500141	Trương Đức	Hải	Nam	21/10/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500142	Bằng Hồng	Hạnh	Nữ	12/02/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500143	Phạm Đức	Hạnh	Nam	02/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500144	Trần Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	19/05/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500145	Chu Thị Minh	Hằng	Nữ	04/06/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500146	La Thị Bích	Hằng	Nữ	05/01/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500147	Lâm Thu	Hằng	Nữ	05/02/2011	THCS Hoà Bình	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500148	Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	15/05/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500149	Phan Thị Bích	Hằng	Nữ	06/11/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500150	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	02/06/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500151	Hoàng Ngọc	Hân	Nữ	01/01/2011		Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500152	Hứa Gia	Hân	Nữ	31/03/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500153	Lê Ngọc	Hân	Nữ	13/05/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500154	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	06/07/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500155	Nịnh Thị Ngọc	Hân	Nữ	28/09/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500156	Vũ Thị Ngọc	Hân	Nữ	03/08/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500157	Liễu Ngọc Hải	Hậu	Nam	28/04/2011	THCS Minh Lập	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500158	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	04/02/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500159	Bùi Trung	Hiếu	Nam	25/05/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500160	Đồng Trung	Hiếu	Nam	28/06/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500161	La Trọng	Hiếu	Nam	25/09/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500162	Nguyễn Mạnh	Hiếu	Nam	25/12/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500163	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	17/12/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500164	Phạm Trung	Hiếu	Nam	09/11/2011	THCS Phấn Mễ 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500165	Trạc Văn	Hiếu	Nam	30/04/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500166	Trần Chí	Hiếu	Nam	30/12/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500167	Trần Danh	Hiếu	Nam	13/05/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500168	Trần Trọng	Hiếu	Nam	01/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500169	Trần Trung	Hiệu	Nam	06/01/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500170	Đào Ngọc	Hoa	Nữ	06/11/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500171	Lê Thị Thanh	Hoa	Nữ	30/01/2011	THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500172	Nguyễn Thị Lương	Hoa	Nữ	23/06/2011	THCS Yên Đổ	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500173	Trạc Thị Thuý	Hoa	Nữ	16/07/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500174	Nguyễn Viết Thái	Hoà	Nam	03/02/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500175	Lô Mai	Hoài	Nữ	02/08/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500176	Vũ Thị	Hoài	Nữ	16/10/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500177	Bùi Huy	Hoàng	Nam	13/09/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500178	Lưu Việt	Hoàng	Nam	22/11/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500179	Mai Nhật Minh	Hoàng	Nam	26/06/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500180	Nguyễn Nhật	Hoàng	Nam	08/09/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500181	Ninh Văn	Hoàng	Nam	25/03/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500182	Phạm Việt	Hoàng	Nam	26/08/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500183	Vũ	Hoàng	Nam	08/11/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500184	La Thị Diễm	Hồng	Nữ	05/09/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500185	Ninh Thị Thu	Hồng	Nữ	10/12/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500186	Đinh Đức	Huân	Nam	14/05/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500187	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	02/09/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500188	Bùi Quang	Huy	Nam	01/07/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500189	Hoàng Minh	Huy	Nam	31/10/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500190	Hoàng Quốc	Huy	Nam	22/02/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500191	Lý Khánh	Huy	Nam	15/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500192	Ngô Dương Gia	Huy	Nam	01/08/2011	PTDTBT THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500193	Ngô Đức	Huy	Nam	05/07/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500194	Ngô Gia	Huy	Nam	09/04/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500195	Ngô Ngọc	Huy	Nam	01/01/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500196	Nguyễn Đức	Huy	Nam	27/07/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500197	Nguyễn Khánh	Huy	Nam	30/06/2011	THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500198	Nguyễn Ngọc	Huy	Nam	25/02/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500199	Nguyễn Tiến	Huy	Nam	05/01/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500200	Ôn Khánh	Huy	Nam	12/10/2011	TH&THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500201	Phạm Quốc	Huy	Nam	18/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500202	Dương Thị	Huyền	Nữ	20/09/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500203	Hoàng Thu	Huyền	Nữ	07/06/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500204	Lê Thị Khánh	Huyền	Nữ	04/07/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500205	Nghiêm Thị Khánh	Huyền	Nữ	16/11/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500206	Nguyễn Duy Tuấn	Hưng	Nam	19/11/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500207	Hoàng Mai	Hương	Nữ	29/08/2011	THCS Hoà Bình	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500208	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	31/10/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500209	La Duy	Khang	Nam	20/10/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500210	La Trần Minh	Khang	Nam	03/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500211	Nguyễn Đức	Khang	Nam	16/10/2011	THCS Thị trấn Đu	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500212	Nguyễn Tuấn	Khang	Nam	14/09/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500213	Trương Quốc	Khang	Nam	09/09/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500214	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	23/02/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500215	Nguyễn Nam	Khánh	Nam	21/10/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500216	Sầm Bảo	Khánh	Nam	14/05/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500217	Vũ Duy	Khánh	Nam	07/05/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500218	Vũ Văn	Khiêm	Nam	10/04/2011	THSC Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500219	La Văn	Khôi	Nam	21/05/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500220	Nguyễn Trần Ngọc	Khôi	Nam	30/11/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500221	Trần Đăng	Khôi	Nam	07/07/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500222	Hoàng Minh	Kỳ	Nam	25/10/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500223	Lục Bảo Dung	Lam	Nữ	09/04/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500224	Phạm Vũ Tuyền	Lam	Nữ	23/01/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500225	Trần Thanh	Lam	Nữ	09/12/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500226	Hoàng Mai	Lan	Nữ	17/09/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500227	Mai Hoàng	Lan	Nữ	01/05/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500228	Trần Phương	Lan	Nữ	23/09/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500229	Nguyễn Quốc	Lập	Nam	01/03/2011	THCS tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500230	Hoàng Thị	Lê	Nữ	06/12/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500231	Lưu Thị	Lê	Nữ	11/06/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500232	Đồng Thuỳ	Linh	Nữ	12/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500233	Nguyễn Diệp	Linh	Nữ	14/10/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500234	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	02/03/2011	THCS Sơn Cẩm 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500235	Phạm Ngọc	Linh	Nữ	29/05/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500236	Phùng Hà	Linh	Nữ	12/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500237	Trần Thị	Linh	Nữ	10/08/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500238	Dương Hoàng	Long	Nam	29/07/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500239	Đoàn Nguyễn Đức	Long	Nam	21/08/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500240	Hoàng Văn	Long	Nam	16/02/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500241	Nguyễn Thành	Long	Nam	08/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500242	Nguyễn Viết	Long	Nam	25/03/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500243	Trần Việt	Long	Nam	13/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500244	Cao Xuân	Lộc	Nam	07/02/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500245	Âu Thị Hiền	Lương	Nữ	27/08/2011	THCS Minh Lập	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500246	Lại Thị Khánh	Ly	Nữ	20/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500247	Lường Khánh	Ly	Nữ	10/10/2011	THCS Sơn Cẩm 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500248	Nguyễn Diệu	Ly	Nữ	02/02/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500249	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	04/02/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500250	Nịnh Khánh	Ly	Nữ	22/05/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500251	Phan Thị Khánh	Ly	Nữ	03/05/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500252	Vương Thị Hồng	Ly	Nữ	18/07/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500253	Hầu Thị Thúy	Mai	Nữ	02/06/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500254	Ngô Thanh	Mai	Nữ	05/08/2011	THCS Cô Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500255	Trần Sao	Mai	Nữ	27/08/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500256	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	27/02/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500257	Hoàng Đức	Mạnh	Nam	16/08/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500258	Lê Duy	Mạnh	Nam	04/09/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500259	Dương Thị Hải	Mến	Nữ	12/08/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500260	Bùi Thị Ngọc	Minh	Nữ	25/05/2011	THCS Sơn Cẩm 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500261	Lý Công	Minh	Nam	25/08/2011	THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500262	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	07/03/2011	THCS Sơn Cẩm 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500263	Nguyễn Văn	Minh	Nam	21/11/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500264	Trịnh Bá	Minh	Nam	24/03/2011	THCS Sơn Cẩm 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500265	Vũ Tiến	Minh	Nam	07/08/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500266	La Văn	Mười	Nam	26/11/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500267	Bùi Hà	My	Nữ	27/04/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500268	Bùi Trần Hà	My	Nữ	25/02/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500269	Đoàn Thị Trà	My	Nữ	05/06/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500270	Đỗ Lưu Hà	My	Nữ	01/09/2011	THCS Phấn Mễ 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 10

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500271	Đỗ Quách Trà	My	Nữ	27/02/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500272	Hà Thị Diệu	My	Nữ	11/06/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500273	Hoàng Khải	My	Nữ	26/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500274	Lê Thị Trà	My	Nữ	01/10/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500275	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	20/06/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500276	Trần Trà	My	Nữ	07/10/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500277	Nguyễn Ngọc	Mỹ	Nữ	10/04/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500278	Bùi Văn	Nam	Nam	28/05/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500279	Lý Hải	Nam	Nam	27/05/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500280	Nguyễn Bảo	Nam	Nam	22/12/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500281	Nguyễn Công	Nam	Nam	16/08/2010	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500282	Nguyễn Thành	Nam	Nam	13/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500283	Đỗ Thị Thanh	Nga	Nữ	21/07/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500284	Nguyễn Quỳnh	Nga	Nữ	17/01/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500285	Hầu Phương	Ngân	Nữ	25/07/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500286	Hoàng Bảo	Ngân	Nữ	10/05/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500287	Trần Khả	Ngân	Nữ	08/08/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500288	Bùi Hoàng	Ngọc	Nam	15/06/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500289	Nguyễn Vũ	Ngọc	Nam	21/08/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500290	Nịnh Thị Hồng	Ngọc	Nữ	10/01/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500291	Phạm Bảo	Ngọc	Nữ	01/01/2011	THCS Hoà Bình	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500292	Trần Thế	Ngọc	Nam	22/10/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500293	Dương Thị	Nguyên	Nữ	28/01/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500294	Đoàn Giang	Nguyên	Nam	24/10/2011	THCS Tân Lập	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500295	Lường Trung	Nguyên	Nam	16/10/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500296	Tạ Thị Thu	Nguyệt	Nữ	27/07/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500297	Trần Thị Minh	Nguyệt	Nữ	21/04/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500298	Trần Thị Yến	Nhã	Nữ	29/10/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500299	Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	11/06/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500300	Lê Thành	Nhân	Nam	30/10/2011	THCS Hoà Bình	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 11

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500301	Vũ Hoàng Ánh	Nhật	Nam	10/11/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500302	Vũ Minh	Nhật	Nam	05/11/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500303	Dương Đông	Nhi	Nữ	08/07/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500304	Dương Hoài	Nhi	Nữ	12/05/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500305	Dương Lê Phương	Nhi	Nữ	18/07/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500306	Dương Thị Bé	Nhi	Nữ	24/12/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500307	Đặng Hiền	Nhi	Nữ	14/10/2011	TH&THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500308	La Thảo	Nhi	Nữ	25/01/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500309	Phạm Yến	Nhi	Nữ	05/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500310	Trần Bảo	Nhi	Nữ	06/11/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500311	Vi Lại Yến	Nhi	Nữ	11/01/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500312	Vũ Phương	Nhi	Nữ	13/03/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500313	Hoàng Hồng	Nhung	Nữ	22/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500314	Khúc Thị	Nhung	Nữ	20/02/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500315	La Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/03/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500316	Dương Thị Tâm	Như	Nữ	19/05/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500317	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	03/11/2011		Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500318	Trần Thị Tâm	Như	Nữ	17/06/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500319	Hà Kim	Oanh	Nữ	11/11/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500320	Hoàng Thị Kim	Oanh	Nữ	15/05/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500321	Trần Thị Kiều	Oanh	Nữ	03/01/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500322	Trương Thị Phương	Oanh	Nữ	09/10/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500323	Trần Văn	Phát	Nam	05/09/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500324	Hoàng Trung	Phong	Nam	22/05/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500325	Khằm Khải	Phong	Nam	04/08/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500326	Nguyễn An	Phong	Nam	03/08/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500327	Trần Duy	Phong	Nam	26/04/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500328	Trịnh Quốc	Phong	Nam	10/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500329	Nguyễn Phi	Phòng	Nam	15/10/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500330	Nguyễn Trường	Phú	Nam	22/08/2011	THCS Giang Tiên	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

TRƯỞNG HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 12

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500331	Mai Hoàng Kim	Phụng	Nữ	23/12/2011	THCS Phấn Mễ 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500332	Trà Hữu	Phước	Nam	02/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500333	Đoàn Thị Mai	Phương	Nữ	21/11/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500334	Lê Thu	Phương	Nữ	20/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500335	Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	03/12/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500336	Phạm Thị Minh	Phương	Nữ	25/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500337	Trần Lê Thuỳ	Phương	Nữ	02/06/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500338	Trần Thị Thu	Phương	Nữ	13/10/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500339	Trần Thuỳ	Phương	Nữ	13/08/2011	THCS Sơn Cẩm 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500340	Trần Kim	Phượng	Nữ	13/05/2011	THCS tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500341	Lưu Đình	Quang	Nam	10/08/2011	THCS Hoà Bình	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500342	Nông Đức	Quang	Nam	28/03/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500343	Dương Vũ Anh	Quân	Nam	29/03/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500344	Trần Tuấn	Quốc	Nam	26/06/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500345	Bùi Thúy	Quyên	Nữ	13/03/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500346	Lại Thị Ngọc	Quyên	Nữ	05/07/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500347	Lê Thị Hồng	Quyên	Nữ	21/12/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500348	Nguyễn Lệ	Quyên	Nữ	27/07/2011	THCS tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500349	Nguyễn Thị Ánh	Quyên	Nữ	10/04/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500350	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	Nữ	25/10/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500351	Trần Thị Lệ	Quyên	Nữ	22/12/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500352	Phan Phú	Quyền	Nam	16/07/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500353	Bùi Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	12/01/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500354	Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	10/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500355	Hà Như	Quỳnh	Nữ	04/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500356	Lý Dương	Quỳnh	Nữ	08/05/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500357	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	23/08/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500358	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	07/03/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500359	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	25/05/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500360	Vy Thị	Quỳnh	Nữ	06/10/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH
THI THỬ VÀO 10 LẦN 2
Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 13

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500361	Vũ Quang	Sáng	Nam	12/03/2011	THCS Giang Tiên	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500362	Nịnh Quang	Sơn	Nam	20/04/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500363	Hoàng Minh	Tài	Nam	10/06/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500364	Trần Đức	Tài	Nam	11/08/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500365	Trần Thị	Tâm	Nữ	15/09/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500366	Trần Nhật	Tân	Nam	31/05/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500367	Nguyễn Nam	Thanh	Nam	17/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500368	Đoàn Trọng	Thành	Nam	16/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500369	Bùi Phương	Thảo	Nữ	04/11/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500370	Lê Ngọc	Thảo	Nữ	17/09/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500371	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	27/01/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500372	Nguyễn Thị Bích	Thảo	Nữ	16/05/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500373	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	03/04/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500374	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	07/10/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500375	Nông Thị	Thắm	Nữ	10/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500376	Nông Hải	Thiên	Nam	27/05/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500377	Trần Sỹ	Thiện	Nam	19/02/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500378	Nguyễn Khắc	Thịnh	Nam	23/06/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500379	Nguyễn Tiến	Thịnh	Nam	13/09/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500380	Mã Thị Kim	Thoa	Nữ	27/11/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500381	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	14/12/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500382	Trần Thị	Thu	Nữ	10/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500383	Phạm Thị Phương	Thuỳ	Nữ	01/08/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500384	Trần Thu	Thuỳ	Nữ	23/07/2011	THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500385	Đặng Hoàng Thu	Thuỳ	Nữ	22/04/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500386	Lý Thị Thanh	Thuý	Nữ	11/06/2011	THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500387	Nguyễn Thanh	Thuý	Nữ	09/03/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500388	La Thị Diễm	Thùy	Nữ	22/12/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500389	Lương Thị Bích	Thủy	Nữ	12/03/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500390	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	Nữ	16/09/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026
HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 14

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500391	Nguyễn Thu	Thúy	Nữ	01/09/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500392	Đào Anh	Thư	Nữ	03/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500393	Đỗ Anh	Thư	Nữ	18/09/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500394	Đỗ Anh	Thư	Nữ	29/11/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500395	Lưu Anh	Thư	Nữ	09/11/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500396	Nịnh Minh	Thư	Nữ	22/11/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500397	Trần Anh	Thư	Nữ	10/03/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500398	Hoàng Thị Diệu	Thương	Nữ	11/10/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500399	Phan Thu	Thương	Nữ	17/12/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500400	Lý Thị Thủy	Tiên	Nữ	29/12/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500401	Đoàn Thị	Tình	Nữ	07/06/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500402	Nguyễn Hoàng	Toàn	Nam	23/06/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500403	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Nữ	16/03/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500404	Trần Thanh	Trà	Nữ	23/07/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500405	Trần Thị	Trà	Nữ	18/03/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500406	Đào Thị Huyền	Trang	Nữ	07/02/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500407	Đinh Thu	Trang	Nữ	12/01/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500408	Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	06/07/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500409	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	Nữ	30/05/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500410	Lý Thị	Trang	Nữ	07/09/2011	THCS Minh Lập	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500411	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	06/08/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500412	Nịnh Thị Huyền	Trang	Nữ	06/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500413	Trương Thị Thuỳ	Trang	Nữ	23/06/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500414	Vũ Thị Kiều	Trang	Nữ	24/03/2011	THCS tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500415	Cao Trần Tuệ	Trâm	Nữ	07/09/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
26	03500416	Vũ Lê Bảo	Trân	Nữ	15/03/2011	THCS Sơn Cẩm 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
27	03500417	Nghiêm Hoàng	Trinh	Nữ	03/12/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
28	03500418	Lý Quốc	Trọng	Nam	01/11/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
29	03500419	Nguyễn Ngọc Bảo	Trúc	Nữ	27/10/2011	THCS Sơn Cẩm 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
30	03500420	La Tuấn	Trường	Nam	22/07/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 30 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 15

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500421	Trịnh Đăng	Trường	Nam	16/01/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500422	Chu Văn	Tú	Nam	18/05/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500423	Dương Anh	Tú	Nam	16/01/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500424	Nguyễn Anh	Tú	Nam	19/04/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500425	Trần Khương	Tú	Nam	17/09/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500426	Hà Anh	Tuấn	Nam	30/04/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500427	Hà Anh	Tuấn	Nam	23/11/2011	THCS Cổ Lũng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500428	Lạc Quốc	Tuấn	Nam	26/09/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500429	Lưu Anh	Tuấn	Nam	18/11/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500430	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	14/10/2011	THCS Hoàng Văn Thụ	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500431	Đoàn Cao	Tùng	Nam	01/04/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500432	Lại Hồng	Tùng	Nam	16/12/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500433	Nguyễn Khánh	Tùng	Nam	15/09/2011	THCS TT Đu	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500434	Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	01/05/2011	THCS Sơn Cẩm 1	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500435	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	01/02/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500436	Vũ Mạnh	Tùng	Nam	19/10/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500437	Hoàng Thị Ánh	Tuyết	Nữ	06/05/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500438	Trần Hương	Tươi	Nữ	26/11/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500439	Lê Đức Uy	Uy	Nam	26/01/2011	THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500440	Hà Vũ Tố	Uyên	Nữ	16/12/2010		Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500441	Phạm Thu	Uyên	Nữ	03/01/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500442	Phan Thị	Uyên	Nữ	22/10/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500443	Hạc Thị Thanh	Vân	Nữ	12/01/2011	THCS Hoà Bình	Toán, Văn, Ng.ngữ	
24	03500444	Vũ Thị Thanh	Vân	Nữ	17/09/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
25	03500445	Hoàng Hà	Vi	Nữ	01/06/2011	THCS Võ Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 25 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà

TRƯỜNG THPT TỨC TRANH

THI THỬ VÀO 10 LẦN 2

Khóa ngày: 03/5/2026

DANH SÁCH HỌC SINH

Phòng 16

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi	Ghi chú
1	03500446	Vũ Quỳnh	Vi	Nữ	10/11/2011	THCS Đu	Toán, Văn, Ng.ngữ	
2	03500447	Lăng Bảo	Việt	Nam	23/10/2011	THCS Sơn Cẩm 2	Toán, Văn, Ng.ngữ	
3	03500448	Nịnh Phan Hoàng	Việt	Nam	22/10/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
4	03500449	Trần Quốc	Việt	Nam	25/08/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
5	03500450	Dương Anh	Vũ	Nam	13/09/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
6	03500451	La Anh	Vũ	Nam	22/01/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
7	03500452	Lô Quang	Vũ	Nam	09/10/2011	THCS Yên Lạc	Toán, Văn, Ng.ngữ	
8	03500453	Lý Nguyên	Vũ	Nam	26/02/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
9	03500454	Lăng Thị Khánh	Vy	Nữ	20/10/2011	PTDTBT THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
10	03500455	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	15/09/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
11	03500456	Trịnh Ngọc	Vy	Nữ	23/05/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
12	03500457	Vũ Hà	Vy	Nữ	21/11/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
13	03500458	Dương Ngọc	Yến	Nữ	22/08/2011	THCS Minh Lập	Toán, Văn, Ng.ngữ	
14	03500459	La Thị	Yến	Nữ	26/06/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
15	03500460	Lưu Thị Hải	Yến	Nữ	11/10/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
16	03500461	Lý Thị Kim	Yến	Nữ	15/08/2011	THCS Văn Lăng	Toán, Văn, Ng.ngữ	
17	03500462	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	12/03/2011	THCS Phú Đô	Toán, Văn, Ng.ngữ	
18	03500463	Trần Hải	Yến	Nữ	08/08/2011	THCS Tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
19	03500464	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	16/09/2011	THCS tức Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
20	03500465	Vũ Hải	Yến	Nữ	30/11/2011	THCS Phấn Mễ I	Toán, Văn, Ng.ngữ	
21	03500466	Trần Hoàng	Thành	Nam	30/04/2011	THCS Vô Tranh	Toán, Văn, Ng.ngữ	
22	03500467						Toán, Văn, Ng.ngữ	
23	03500468						Toán, Văn, Ng.ngữ	

Danh sách này có 23 học sinh.

Ngày 28 tháng 04 Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỨC TRANH

Nguyễn Thị Hoà